

Bản án số: **140 /2019/KDTM - PT.**

Ngày : 07, 11/11/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Bằng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi phiên tòa : Ông Phạm Hoàng Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - KSV

Ngày 7,11 tháng 11 năm 2019 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 109/2019/TLPT - KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/ KDTM – ST, ngày 5 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 372 /2019/QĐPT – KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 413/QĐ- HPT ngày 14/10/2019 giữa các đương sự :

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q (gọi tắt VA).** Trụ sở: 22 H , phường L T , H , Hà Nội.

Bên được uỷ quyền của VA : Ngân hàng TMCP V (gọi tắt VPB).

Người đại diện theo pháp luật của VPB : Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền : Ông Phạm Tuấn A –Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật , theo Văn bản uỷ quyền số 02/2015/UQ-HĐQT ngày 11/02/2015.

1. Ông Nguyễn Minh B – Trưởng bộ phận xử lý nợ
2. Ông Hoàng Thái S – Cán bộ xử lý nợ
3. Ông Nguyễn Đức L - Cán bộ xử lý nợ
4. Ông Nguyễn Trọng P - Cán bộ xử lý nợ

Theo Văn bản uỷ quyền số 154/2017/UQ –VPB ngày 15/11/2017.

*** Bị đơn: Công ty TNHH U .**

Trụ sở: 27 A, phường H , H , Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Thị Phương C - Giám đốc .

Thành viên Công ty :

1. Ông Nguyễn Anh P

Địa chỉ: 308K6 B , phường B , quận H , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P : bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1980.

ĐKNKTT: P306 OCT2 – DDN2 khu đô thị B , phường Đ quận H , thành phố Hà Nội.

2. Bà Phạm Thúy Q

Địa chỉ: 155 H , phường H , quận H , thành phố Hà Nội

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Mạnh H Sinh năm: 1962

2. Bà Phạm Thị Kiều L Sinh năm: 1960

3. Chị Nguyễn Kiều G Sinh năm: 1998.

Cùng có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: số 49 ngõ 55 H , phường N , B , Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L và chị Giang : ông Phạm Quốc L và bà Trịnh Thị Lan H - Văn phòng luật sư Phạm và liên danh.

4. Ông Đỗ Tuấn A - Sinh năm: 1973

5. Bà Nguyễn Thị Hồng V - Sinh năm: 1975

Cùng trú tại: 96 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

6. Công ty cổ phần báo cáo đánh giá V .

Trụ sở: căn hộ P0906 tầng 9 chung cư 57 L , phường T , quận B , Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Đăng V – Tổng giám đốc.

7. Công ty Cổ phần S .

Trụ sở: CX1, Khu đô thị mới V , phường L , H , Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Vĩnh C . Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Ông S , ông L , ông H có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 16/5/2013, VPB đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 150513-618493-01-SME với Công ty U với giá trị hạn mức là 25.000.000.000đ; với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 3.654.699.000đ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh

doanh hàng may mặc sử dụng dịch vụ bảo lãnh, mở LC tại VPB Ngô Quyền. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/5/2013.

Biện pháp bảo đảm tiền vay:

+ Cầm cố bằng 03 sổ tiết kiệm đứng tên bà Nguyễn Thị Phương C có tổng giá trị là 1.565.000.000 đ tại VPB . Hợp đồng cầm cố sổ tiết kiệm số 61893 – 01/VPB ngày 23/4/2013 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/05/2013; *03 sổ này đã được giải chấp và thay thế bằng tài sản khác.*

+ Cầm cố bằng 05 sổ tiết kiệm đứng tên ông Trương Tuấn D với tổng giá trị là 2.500.000.000đ tại VPB . Hợp đồng cầm cố sổ tiết kiệm số 61893 – 02/VPB ngày 23/4/2013 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/05/2013; *5 sổ này đã được giải chấp và thay thế bằng tài sản khác.*

Tổng giá trị của 8 sổ tiết kiệm nêu trên là 4.065.000.000đ.

+ Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng, bên vay hoặc bên thứ 3.

- Ngày 04/06/2013, VPB có ký với Công ty TNHH U Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ, mục đích để thanh toán tiền hàng và sửa đổi nội dung như sau:

1. Theo nội dung hợp đồng đã ký: “....với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 3.654.699.000đ”.

Sửa đổi thành “...với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 9.654.699.000 đồng.

2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 4.

Sửa đổi thành: Thế chấp bằng Nhà và đất tại thửa đất số 29 – C4, tờ bản đồ số “00”, địa chỉ tại số 29 lô C4 khu đô thị Nam Thăng Long, quận Tây Hồ, HN, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vương Phúc C và vợ là bà Phạm Thị Thanh M , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 381455 MS 101031154252 (Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hồ sơ gốc số 602/2006/QĐ-UBND /285/2006) do UBND quận Tây Hồ cấp ngày 26/4/2006 đứng tên bà Trần Thị Bích V và ông Nguyễn Hồng S . Ngày 05/04/2007, đăng ký sang tên cho ông Vương Phúc C và vợ là bà Phạm Thị Thanh M tại Văn Phòng đăng ký đất và nhà quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 150513 – 618493 – 01 – SME/TC ngày 03/06/2013. *Tài sản này đã được giải chấp và thay thế bằng tài sản khác.*

- Ngày 18/06/2013, VPB có ký với Công ty TNHH U Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ, mục đích để thanh toán tiền hàng và sửa đổi nội dung như sau:

1. Theo nội dung hợp đồng đã ký: “....với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 9.654.699.000 đồng”.

Sửa đổi thành “...với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 9.692.699.000đ.

2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 4.

Sửa đổi thành: Thế chấp bằng Nhà và đất tại thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Phạm Thị Kiều L theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 (Hồ sơ gốc số 1370.2001.QĐUB/6760.2001) do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001, đứng tên ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L . Hợp đồng thế chấp số công chứng 1009/2013 ngày 14/06/2013;

- Ngày 18/06/2013, VPB có ký với Công ty TNHH U Phụ lục Hợp đồng số 03/PLHĐ, mục đích để thanh toán tiền hàng và sửa đổi nội dung như sau:

1. Theo nội dung hợp đồng đã ký: “....với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 9.692.699.000 đồng”.

Sửa đổi thành “...với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 10.920.700.000 đồng.

2. Sửa đổi điểm b, c khoản 1 Điều 4.

Sửa đổi thành:

b, Thế chấp bằng Nhà và đất tại thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Phạm Thị Kiều L theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 (Hồ sơ gốc số 1370.2001.QĐUB/6760.2001) do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001, đứng tên ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L . Hợp đồng thế chấp số công chứng 1009/2013 ngày 14/06/2013;

c, Thế chấp bằng căn hộ P0906, tầng 9, chung cư 57 phố L , phường T , quận B , thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135; Hồ sơ gốc số 460.2008.QĐ-Ub.17 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008, đăng ký sang tên cho bà Phạm Thị Kiều L và ông Nguyễn Mạnh H ngày 11/11/2008 tại UBND quận ba Đình, tp Hà Nội. Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1028/2013 ngày 17/06/2013;

- Ngày 28/10/2013, VPB có ký với Công ty U Phụ lục Hợp đồng số 04/PLHĐ, mục đích để thanh toán tiền hàng và sửa đổi nội dung như sau:

1. Theo nội dung hợp đồng đã ký: “....với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 10.920.700.000 đồng”.

Sửa đổi thành "...với các tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 mục 4, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho bên vay tối đa là 11.462.558.900 đồng.

2. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 4.

Sửa đổi thành:

d, Thế chấp bằng Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ số 0609/2010/HĐMB – UVK ký ngày 27/01/2010 căn hộ số D-806 tầng 8, tòa nhà CT4-108, chung cư Usilk City, khu đô thị mới V , phường L , quận H , thành phố Hà Nội, giữa bà Nguyễn Thị Hồng V và Công ty cổ phần Sông Đà – Thăng Long. Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1692/2013 ngày 28/08/2013.

Công ty U vay của VPB C nhánh Ngô Quyền tổng số tiền là: 9.726.046.146 đồng thông qua các Khế ước nhận nợ sau đây:

*Khế ước nhận nợ số 210414-618493-01-SME ngày 21/04/2014:

- Số tiền nhận nợ: 3.724.475.260 đồng;
- Thời hạn vay: 09 tháng, từ ngày 21/04/2014 đến ngày 21/01/2015;
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần Thời trang T theo hóa đơn VAT số 0000631 ngày 23/01/2014; 0000725 ngày 06/03/2014; 0000766 ngày 20/03/2014;
- Lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh: 9.8%/năm; Điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5 %/năm;

*Khế ước nhận nợ số 230414-618493-01-SME ngày 23/04/2014:

- Số tiền nhận nợ: 3.911.028.000 đồng;
- Thời hạn vay: 09 tháng, từ ngày 23/04/2014 đến ngày 23/01/2015;
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH thương mại sản xuất C&H Vina theo hóa đơn VAT số 0000068 ngày 10/04/2014 và thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần may II Hải Dương theo hóa đơn VAT số 0000546 ngày 31/03/2014;
- Lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh: 9.8%/năm; Điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5 %/năm;

*Khế ước nhận nợ số 250414-618493-01-SME ngày 26/04/2014:

- Số tiền nhận nợ: 700.458.000 đồng;
- Thời hạn vay: 09 tháng, từ ngày 26/04/2014 đến ngày 26/01/2015;
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH Vieba theo hóa đơn VAT số 0002269 ngày 22/04/2014;

- Lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh: 9.8%/năm; Điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5 %/năm;

*Khế ước nhận nợ số 090514-618493-01-SME ngày 09/05/2014:

- Số tiền nhận nợ: 1.301.201.000 đồng
- Thời hạn vay: 09 tháng, từ ngày 09/05/2014 đến ngày 09/02/2015;
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần Thời trang T theo hóa đơn VAT số 0000912 ngày 25/04/2014;
- Lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh: 9.8%/năm; Điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5 %/năm;

* Nhận nợ bắt buộc với khoản tiền VPB đã thanh toán thay Công ty U :

- Số tiền nhận nợ: 88.883.886 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*);
- Ngày nhận nợ: 28/10/2014;
- Thời hạn thanh toán: 02 ngày, đến ngày 30/10/2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Công ty TNHH U nhận nợ đối với VPB do VPB đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Bên được bảo lãnh là Công ty TNHH V theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD1227500196 ngày 02/10/2012.
- Lãi suất: 15%/năm.
- Thời điểm này bà C có thuê 01 gian hàng bán quần áo tại Trung tâm Vincom Center Bà Triệu số 191 Bà Triệu.

* **Tài sản bảo đảm** (bao gồm 03 tài sản):

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Phạm Thị Kiều L theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1009/2013 ngày 14/06/2013;

- Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ P0906, tầng 9, chung cư 57 phố L , phường T , quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L ngày 11/11/2008) theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1028/2013 ngày 17/06/2013;

- Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ số D-806 tầng 8, tòa nhà CT4-108, chung cư Usilk City, khu đô thị mới V , phường L , quận H , thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hồng V và chồng là ông Đỗ Tuấn A theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1692/2013 ngày 28/08/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPB nên khoản nợ bị chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức, các phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo, VPB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng Công ty U vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 15/09/2015, VPB đã bán Khoản nợ của Công ty U cho VA theo Hợp đồng mua bán nợ số 18985/2015/MBN.VA 2-VPB . Theo Hợp đồng mua bán nợ này, VPB đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ Công ty U cho VA . Ngày 15/09/2015, VA và VPB đã ký Hợp đồng ủy quyền số 18986/2015/UQ.VA 2-VPB . Theo đó, VPB có quyền thay mặt VA khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp, bao gồm cả quyền ký, nộp, bổ sung, rút đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan.

Tính đến ngày 14/11/2018, Công ty U đã thanh toán được tổng số tiền như sau:

Thanh toán nợ gốc :22.584.180 đồng

Thanh toán nợ lãi :287.561.898 đồng

Tổng cộng :310.146.078 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng*).

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc Công ty U thanh toán cho VA toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản tiền phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 14/11/2018 gồm:

Nợ gốc : 9.703.461.966 đồng.

Nợ lãi trong hạn : 68.128.006 đồng.

Nợ lãi quá hạn : 5.630.434.153 đồng.

Phạt chậm trả lãi : 2.358.110.997 đồng

Buộc Công ty U tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 15/11/2018 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ cho VA .

Trong trường hợp Công ty U không trả nợ , VA có quyền tự mình xử lý hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Phạm Thị Kiều L theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1009/2013 ngày 14/06/2013 tại văn phòng công chứng Kinh Đô; Nghĩa vụ nợ được tính trên tài sản này là: Nghĩa vụ gốc: 5.712.000.108 đồng. Nghĩa vụ lãi là: 59%, trong đó nghĩa vụ lãi tính đến ngày 14/11/2018 là: 3.362.151.673 đồng.

+ Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ P0906, tầng 9, chung cư 57 phố L , phường T , quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L ngày 11/11/2008) theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1028/2013 ngày 17/06/2013 tại văn phòng công chứng Kinh Đô. Nghĩa vụ nợ được tính trên tài sản này là: Nghĩa vụ gốc: 3.406.830.600 đồng. Nghĩa vụ lãi là 35%, trong đó nghĩa vụ lãi tính đến ngày 14/11/2018 là: 1.994.496.755 đồng.

+ Tất cả quyền tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hồng V và chồng là ông Đỗ Tuấn A , phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ số: 0609/2010/HĐMB-UVK ký ngày 27/01/2010 (và tất cả các phụ lục kèm theo) giữa bà Nguyễn Thị Hồng V và chồng là ông Đỗ Tuấn A với Công ty cổ phần Sông Đà – Thăng Long, liên quan đến việc mua bán căn hộ số D-806 tầng 8, tòa nhà CT4-108, chung cư Usilk City, khu đô thị mới V , phường L , quận H , thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn Thị Hồng V và chồng là ông Đỗ Tuấn A ký hợp đồng thế chấp với VPB theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1692/2013 ngày 28/08/2013 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô. Nghĩa vụ nợ được tính trên tài sản này là: Nghĩa vụ gốc: 584.631.258 đồng. Nghĩa vụ lãi là 6%, trong đó nghĩa vụ lãi tính đến ngày 14/11/2018 là: 341.913.731 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm VPB rút yêu cầu phạt chậm trả lãi và tính lại số tiền lãi theo mức lãi suất áp dụng với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Yêu cầu buộc Công ty U trả cho nguyên đơn số nợ tính đến 05/4/2019 là **14.152.046.970 đồng** (mười bốn tỷ một trăm năm hai triệu không trăm bốn sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng), trong đó:

Nợ gốc	: 9.703.461.966 đồng.
Nợ lãi trong hạn	: 15.225.166 đồng.
Nợ lãi quá hạn	: 4.433.359.838 đồng.

Công ty TNHH U : Bà Nguyễn Thị Phương C là người đại diện theo pháp luật không có mặt ở Việt Nam

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

- Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đã cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty U : Trụ sở: số 27 phố Ấu Triệu, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do bà Nguyễn Thị Phương C - Giám đốc đại diện theo pháp luật. Các thành viên công ty: Nguyễn Anh P và PhạmThúy Q .Đến thời điểm 14/6/2017 doanh nghiệp chưa đăng ký giải thể, tạm ngừng hoạt động, chuyển đổi loại hay hình thức sáp nhập, C a tách doanh nghiệp.

- Công an phường Hàng Trống nơi có trụ sở của bị đơn đã cung cấp thông tin vào ngày 22/6/2017 cho biết: *“tại địa chỉ số 27 phố H không có Công ty Urin hoạt động, treo biển, không có ai là Nguyễn Thị Phương C , sinh năm 1972 đăng ký nhân khẩu thường trú, tạm trú. Công an phường không biết địa chỉ mới của Công ty Urin”*.

- Cục quản lý xuất nhập cảnh A72, tại công văn số 12068/A72-P4 đã cung cấp thông tin: *“bà Nguyễn Thị Phương C đã xuất cảnh ngày 10/9/2014 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh. Cục không có thông tin về nơi đến của bà C”*.

- Ông Nguyễn Mạnh H cung cấp đơn tố cáo của ông H và toàn bộ hồ sơ tố cáo, tố giác tội phạm do ông Nguyễn Tiến H đã thực hiện việc tố cáo, tố giác hành vi lừa đảo, lạm dụng C ếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Phương C - người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty U đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội.

- Tại công văn số 6868/PC22-Đ2 ngày 27/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Hà Nội cung cấp: Ngày 20/11/2015, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tạm dừng xác minh đơn của các ông bà Nguyễn Mạnh H , Phạm Thị Kiều L , khi bà C nhập cảnh trở lại sẽ tiếp tục xác minh làm rõ.

Vì bà C không có ở Việt Nam, căn cứ Điều 13 Luật Doanh nghiệp, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã triệu tập bà Phạm Thúy Q và ông Nguyễn Anh P tham gia phiên tòa đại diện cho Công ty U .

Bà Nguyễn Thị Gi đại diện cho ông Nguyễn Anh P có đơn trình bày: Ông Phương là thành viên mới của công ty, không tham gia điều hành nên không biết hoạt động của công ty; việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là giữa Công ty, bà C và Ngân hàng, người thế chấp không liên quan đến ông; Hiện tại công ty khó khăn, bà C đã bỏ trốn; công ty không còn hoạt động.

Ông Nguyễn Mạnh H trình bày như sau:

Đầu năm 2013, bà Nguyễn Thị Phương C, giám đốc Công ty U có trao đổi với ông H là đang thiếu vốn cho công ty kinh doanh để xuất khẩu nên cần vay tiền ngân hàng để kinh doanh. Bà C có hỏi mượn nhà đất của vợ chồng ông H 03 tháng để vay ngân hàng, ông H đã đồng ý. Thực tế việc ký hợp đồng tín dụng và vay tiền giữa Công ty U và Ngân hàng như thế nào ông H không nắm được, không được hưởng khoản tiền nào.

Ngày 14/06/2013, vợ chồng ông H đã ký với VPB - C nhánh Ngô Quyền và bà C đại diện của Công ty U hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác đối với thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 địa chỉ số 193 tổ 17 phường N, B, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 10101210145 (Hồ sơ gốc số 1370.2001.QĐUB/6760.2001) do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001, đứng tên ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L, diện tích 79.2m². Cùng ngày, Ngân hàng cũng thẩm định giá đối với tài sản là 8.626.000.000 đồng (bằng chữ: tám tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu đồng). Hiện nay, vợ chồng ông H và 02 con gái là Nguyễn Kiều Trang sinh năm 1987 và Nguyễn Kiều G sinh năm 1998 đang ở tại đây.

Ngày 17/06/2013, vợ chồng ông H ký với Ngân hàng VPB C nhánh Ngô Quyền và bà C đại diện của Công ty U Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư P0906 tầng 9 chung cư 57 phố L, phường T, B, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135, hồ sơ gốc số 460.2008.QĐ-UB.17 do UBND quận Ba Đình thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008 đăng ký sang tên cho bà Phạm Thị Kiều L và ông Nguyễn Mạnh H ngày 11/11/2008 tại UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, diện tích 193.0m² đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác. Cùng ngày, Ngân hàng cũng thẩm định giá đối với tài sản là 5.790.000.000 đồng (bằng chữ: năm tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng). Hiện ông H đang cho công ty thuê làm văn phòng.

Mọi thủ tục làm hồ sơ thẩm định và hợp đồng thế chấp đều do Ngân hàng và bà C làm nên ông H không biết. Sau này bà C có đưa các khế ước nhận nợ để ông H ký, nhưng cụ thể số tiền ông H không nhớ.

Sau khi ký thế chấp, ông H không biết bà C sử dụng nguồn vốn như thế nào. Ngày 14/09/2014, bà C bỏ trốn ra nước ngoài và có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự và ông H có đơn trình báo cho Ngân hàng vào ngày 10/10/2014 và 20/10/2014, đồng thời làm đơn tố giác gửi cơ quan công an thành phố Hà Nội ngày 20/10/2014 và 26/08/2015. Cơ quan công an đã mời ông H lên làm việc.

Bà C đại diện cho Công ty U cũng có khoản nợ tại Ngân hàng Vietcombank, cũng đã vi phạm và đã bị các chủ tài sản tố cáo ra cơ quan công an (trong đó có ông Nguyễn Tiến Hưng).

Đối với khoản nợ của Công ty U thì Công ty phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Đối với hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa VPB và Công ty U, tại phụ lục hợp đồng tín dụng 01 thể hiện về tài sản thế chấp của ông C bà M, ông H nghi ngờ có sự sắp xếp, bày đặt giữa Giám đốc Nguyễn Thị Phương C và ông Chính, bà Mai để lừa vợ chồng ông H thực hiện việc thế chấp tài sản thay thế tài sản thế chấp của ông C bà M. Thể hiện: VPB đã không thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm, chỉ trong thời gian ngắn đã trả lại tài sản thế chấp cho ông C bà M. Như vậy hồ sơ thế chấp giữa ngân hàng và ông C bà M không thực hiện đúng quy định của pháp luật nhưng VPB vẫn cho Công ty U ký kết phụ lục hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, Biên bản định giá tài sản ngày 18/8/2013 căn hộ tại CT4-108 do VPB thực hiện thể hiện nội dung “3.Hiện trạng sử dụng: Hiện chủ đầu tư đang xây thô tầng 30/30, tại thời điểm định giá chưa có phát sinh tranh chấp”, trong khi đó tại buổi xem xét thực tế, thẩm định tại chỗ ngày 22/03/2018 do Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm tiến hành, thực tế toà nhà CT4-108 chỉ mới xây được đến tầng 5 trên mặt đất + 03 tầng hầm. Như vậy, có sự tiếp tay của chính người trong VPB để bà C thực hiện hành vi lừa đảo – những người tin tưởng để thế chấp tài sản.

Bà Phạm Thị Kiều L đồng ý với ý kiến của chồng - ông Nguyễn Mạnh H.

Chị Nguyễn Kiều G trình bày: không có ý kiến gì

Ông Đỗ Tuấn A trình bày: không có ý kiến gì

Bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2017 như sau: Việc ký hợp đồng tín dụng và vay tiền giữa Công ty U và Ngân hàng như thế nào bà Vân không nắm được, không được hưởng khoản tiền nào. Vào ngày 28/08/2013, vợ chồng bà Vân, VPB và bà C đại diện của Công ty U ký Hợp đồng thế chấp quyền tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác đối với căn hộ số D-806 tầng 8 toà nhà:CT4-108 địa chỉ: tầng 8, toà nhà CT4-108, Usilk city, khu đô thị mới V, phường L, H, Hà Nội, đứng tên ông Đỗ Tuấn A và bà Nguyễn Thị Hồng V, tổng diện tích căn hộ 126.06m². Cùng ngày, Ngân hàng cũng thẩm định giá đối với tài sản là 1.585.901.780 đồng (bằng chữ: một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu chín trăm linh một nghìn bảy trăm tám mươi đồng). Mọi thủ tục làm hồ sơ thẩm định và hợp đồng thế chấp đều do Ngân hàng và bà C làm, bà Vân không biết và chỉ ký. Hiện nay dự án Usilk city vẫn chưa triển khai, có khả năng bị dừng lại do chủ đầu tư bị phá sản và thực tế bà Vân cũng chưa được nhận căn hộ

này. Đến nay, quan điểm của bà Vân về việc khởi kiện Công ty U là nếu Công ty U nợ thì phía công ty phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Đối với các tài sản thế chấp của gia đình bà Vân sẽ có ý kiến sau gửi Tòa án

Công ty cổ phần đánh giá báo cáo Việt Nam trình bày như sau:

Công ty cổ phần đánh giá báo cáo Việt Nam và ông Nguyễn Mạnh H , bà Phạm Thị Kiều L đã ký kết hợp đồng thuê căn hộ chung cư P0906 tầng 9 chung cư 57 phố L , phường T, B , Hà Nội, số 2116/HĐ-VNR ngày 20/01/2016. Mục đích thuê là văn phòng công ty với thời hạn 05 năm. Bên thuê đã trả cho bên cho thuê số tiền thuê nhà đến hết tháng 02/2018 là 384.000.000 đồng, giá thuê mỗi tháng là 16.000.000 đồng. Ngoài ra, ngay khi thuê Công ty đã đầu tư sửa chữa và lắp đặt trang thiết bị nội thất ước tính giá trị 500.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty yêu cầu ông H , bà L có trách nhiệm đảm bảo quyền lợi ích của Công ty như hợp đồng thuê và chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh nếu có từ việc tranh chấp trong vụ án.

Ngày 18/3/2019, Công ty cổ phần đánh giá Việt Nam có văn bản đề nghị rút tư cách tham gia tố tụng vì công ty không còn thuê nhà và đã thanh lý hợp đồng với vợ chồng ông H ngày 15/11/2018.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/ KDTM – ST, ngày 5 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã quyết định như sau :

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q (VA) về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng hạn mức số 150513-618493-01-SME ký kết ngày 16/5/2013” đối với Công ty TNHH U

II. Buộc Công ty TNHH U phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho VA theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 150513-618493-01-SME ký kết ngày 16/5/2013, các bản phụ lục hợp đồng tín dụng, 04 bản khế ước nhận nợ và nhận nợ bắt buộc theo hợp đồng cấp bảo lãnh số MD1227500196 ngày 02/10/2012 là **14.152.046.970 đồng** (mười bốn tỷ một trăm năm mươi hai triệu không trăm bốn sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng), trong đó

Nợ gốc : 9.703.461.966 đồng.

Nợ lãi trong hạn : 15.225.166 đồng.

Nợ lãi quá hạn : 4.433.359.838 đồng.

Công ty TNHH U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 06/4/2019 đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, trong các Phụ lục Hợp đồng, các khế ước nhận nợ và hợp đồng cấp bảo lãnh và các quy định của pháp luật.

III. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH U không trả được số nợ nói trên thì Công ty TNHH MTV Q (VA) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Phạm Thị Kiều L theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1009/2013 ngày 14/06/2013. Kỳ phần nghĩa vụ: gốc 5.712.000.108 đồng và 59% tổng số lãi (tính đến 5/4/2019 là 2.624.665.152 đồng)
2. Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ P0906, tầng 9, chung cư 57 phố L , phường T , quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L ngày 11/11/2008) theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1028/2013 ngày 17/06/2013; Kỳ phần nghĩa vụ: gốc 3.406.830.600 đồng và 35% tổng số lãi(tính đến 5/4/2019 là 1.557.004.751 đồng)
3. Tài sản hình thành trong tương lai là Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ số D-806 tầng 8, tòa nhà CT4-108, chung cư Usilk City, khu đô thị mới V , phường L , quận H , thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hồng V và chồng là ông Đỗ Tuấn A theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1692/2013 ngày 28/08/2013. Kỳ phần nghĩa vụ: gốc 584.631.258 đồng và 6 % tổng số lãi (tính đến 5/4/2019 là 266.915.101 đồng)

4. Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Công ty TNHH U vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV Q .

IV. Án phí: Công ty TNHH U phải chịu: 122.145.215 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Sau khi xét xử sơ thẩm : Ông Nguyễn Mạnh H kháng cáo với nội dung sau : ngày 10/10/2014 ông H có đơn gửi Tổng giám đốc VPB báo cáo sự việc bà C có thể tìm cách trốn đi nước ngoài , nhưng VPB không có động thái nào dẫn đến bà C bỏ trốn đi nước ngoài gây thiệt hại đến tài sản thế chấp , do vậy VPB có lỗi trong việc vay nợ nêu trên . Do vậy ông H chỉ đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả cho nợ gốc và nợ lãi đến ngày 10/10/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Nguyên đơn trình bày : Tại thời điểm ngày 10/10/2014, 20/10/2014 VPB không nhận được Đơn trình báo như ông H trình bày tại Toà án, do vậy VPB không có lỗi trong việc bà C xuất cảnh, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H . Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Mạnh H trình bày : Ông H nhất trí với bản án sơ thẩm về Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, khoản nợ gốc, nợ lãi. Ông H kháng cáo cho rằng VPB có lỗi trong việc dẫn đến bà C bỏ trốn đi nước ngoài gây thiệt hại đến tài sản thế chấp do vậy ông H chỉ chấp nhận trả lãi đến ngày 10/10/2014, không chấp nhận việc phải chịu lãi từ 10/10/2014 đến nay. Ngoài ra không kháng cáo nội dung nào khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông H trong thời hạn và hợp lệ. Hợp đồng tín dụng , khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực, do vậy việc kháng cáo của ông H về việc chỉ chịu lãi đến 10/10/2014 là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu đòi lãi phạt, Tòa án sơ thẩm chưa đình chỉ yêu cầu nêu trên là thiếu sót , do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử : không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H , sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự , nhưng bà Vân, ông Tuấn Anh, đại diện Công ty U , bà Liên, chị Giang vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung:

1/ Về hợp đồng tín dụng : Công ty U , VPB – C nhánh Ngô Quyền, ông Nguyễn Mạnh H , bà Phạm Thị Kiều L ký Phụ lục Hợp đồng số 03/PLHĐ - Ngày 18/6/2013, Phụ lục Hợp đồng số 04/PLHĐ - Ngày 23/10/2013 về việc sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 150513- 618493-01-SME ngày 16/5/2013 , Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 4/6/2013, Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 18/6/2013 , với nội dung Ngân hàng giải ngân cho bên vay tối đa là 11.462.558.900đ. Thấy rằng, Phụ lục Hợp đồng số 03/PLHĐ - Ngày 18/6/2013, Phụ lục Hợp đồng số 04/PLHĐ - Ngày 23/10/2013 được các bên đương sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực.

Ngày 15/9/2015, VPB đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty U đối với VPB cho VA theo Hợp đồng mua, bán nợ số 18985/2015/MBN.VA 2-VPB . Theo Hợp đồng mua bán nợ này, VPB đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ Công ty U cho VA do vậy phải xác định nguyên đơn trong vụ án này là VA . Ngày 15/9/2015, VA uỷ quyền cho VPB toàn quyền khởi kiện, và quyết định mọi vấn đề liên quan đến khoản nợ trên theo Hợp đồng uỷ quyền số 18986/2015/UQ.VA 2-VPB , xét thấy việc uỷ quyền nêu trên là phù hợp pháp luật.

Căn cứ vào các khế ước nhận nợ lần 13/số : 210414- 618493-01-SME ngày 21/4/2014, lần 14/số : 230414-618493-01-SME ngày 23/4/2014, lần 15 /số : 250414- 618493-01-SME ngày 26/4/2014 đều có xác nhận của ông Nguyễn Mạnh H , bà Phạm Thị Kiều L và lời thừa nhận của các đương sự thể hiện : Tổng số tiền vay là: 9.703.461.966 đồng, nên chấp nhận.

Do bị đơn không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn để thu hồi khoản nợ là có căn cứ, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc là 9.703.461.966 đồng, nợ lãi trong hạn : 15.225.166 đồng, nợ lãi quá hạn : 4.433.359.838 đồng tổng là 14.152.046.970 đồng là phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

Về cách tính lãi, qua đối C ếu nhận thấy: từ khi cho Công ty U vay vốn đến nay, VPB nhiều lần điều chỉnh mức lãi suất, cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của VPB phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ lãi là phù hợp pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ , lời khai của đương sự thể hiện : ngày 10/10/2014 ông H đã có đơn tố cáo về việc bà C có hành vi lừa đảo đến VPB , ngày 20/10/2014 ông H gửi đơn tố cáo đến Công an thành phố Hà Nội, tuy nhiên

căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cụ thể là công văn số 12068/A72-P4 ngày 25/9/2017 của Cục quản lý xuất nhập cảnh thể hiện : “ *Người mang tên Nguyễn Thị Phương C sinh ngày 20/4/1972 lần gần đây sử dụng hộ C ếu số B9578984 xuất cảnh ngày 10/9/2014 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh* ” Như vậy thấy rằng tại thời điểm ngày 10/10/2014 , 20/10/2014 khi ông H làm đơn tố cáo gửi VPB và Công an thành phố Hà Nội thì bà C đã xuất cảnh , hơn nữa ngày 26/8/2015 Công an thành phố Hà Nội mới tiếp nhận đơn tố cáo của các đương sự, do vậy việc ông H kháng cáo cho rằng VPB không có động thái gì khi nhận được đơn tố cáo của ông H dẫn đến bà C xuất cảnh đây là lỗi của VPB nên ông H không chấp nhận yêu cầu trả lãi từ 10/10/2014 đến nay là không có căn cứ để chấp nhận, do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông H về lãi suất.

2/ Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

2.1. Công ty U , VPB – C nhánh Ngô Quyền, ông Nguyễn Mạnh H , bà Phạm Thị Kiều L ký Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/6/2013 về việc thế chấp nhà và đất tại thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 (Hồ sơ gốc số 1370.2001.QĐUB/6760.2001) do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001 (đứng tên ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L)}, tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

2.2 Công ty U , VPB – C nhánh Ngô Quyền, ông Nguyễn Mạnh H , bà Phạm Thị Kiều L ký Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17/6/2013 về việc thế chấp căn hộ P0906, tầng 9, chung cư 57 phố L , phường T , quận B , thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135; Hồ sơ gốc số 460.2008.QĐ-Ub.17 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008, đăng ký sang tên cho bà Phạm Thị Kiều L và ông Nguyễn Mạnh H ngày 11/11/2008 tại UBND quận Ba Đình, Tp Hà Nội tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật , được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định nên phát sinh hiệu lực. Do vậy trong trường hợp Công ty TNHH U vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì VA có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ.

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu đòi lãi phạt, Toà án sơ thẩm chưa đình chỉ yêu cầu nêu trên là thiếu sót , do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Về án phí phúc thẩm : ông Nguyễn Mạnh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 355; Điều 471, Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/ KDTM – ST, ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm và quyết định như sau:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q đối với Công ty TNHH U

II. Buộc Công ty TNHH U phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho VA theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 150513-618493-01-SME ký kết ngày 16/5/2013, 04 phụ lục hợp đồng tín dụng, 03 khế ước nhận nợ lần 13/số : 210414- 618493-01-SME ngày 21/4/2014, lần 14/số : 230414-618493-01-SME ngày 23/4/2014, lần 15 /số : 250414- 618493-01-SME ngày 26/4/2014 và nhận nợ bắt buộc theo hợp đồng cấp bảo lãnh số MD1227500196 ngày 02/10/2012 với tổng số tiền là **14.152.046.970 đồng** (mười bốn tỷ một trăm năm mươi hai triệu không trăm bốn sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc : 9.703.461.966 đồng.
- Nợ lãi trong hạn : 15.225.166 đồng.

- Nợ lãi quá hạn : 4.433.359.838 đồng.

Công ty TNHH U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 06/4/2019 đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, trong các Phụ lục Hợp đồng, các khế ước nhận nợ và hợp đồng cấp bảo lãnh và các quy định của pháp luật.

III. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH U không trả được số nợ nói trên thì Công ty TNHH MTV Q (VA) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 13A, tờ bản đồ số 32 tại số 193, tổ 17, phường N, quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210145 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2001) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Phạm Thị Kiều L theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1009/2013 ngày 14/06/2013. Kỳ phần nghĩa vụ: gốc 5.712.000.108 đồng và 59% tổng số lãi (tính đến 5/4/2019 là 2.624.665.152 đồng)

2. Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ P0906, tầng 9, chung cư 57 phố L , phường T , quận B , thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010123312700135 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2008, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị Kiều L ngày 11/11/2008) theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1028/2013 ngày 17/06/2013; Kỳ phần nghĩa vụ: gốc 3.406.830.600 đồng và 35% tổng số lãi(tính đến 5/4/2019 là 1.557.004.751 đồng)

3. Tài sản hình thành trong tương lai là Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ số D-806 tầng 8, tòa nhà CT4-108, chung cư Usilk City, khu đô thị mới V , phường L , quận H , thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hồng V và chồng là ông Đỗ Tuấn A theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1692/2013 ngày 28/08/2013. Kỳ phần nghĩa vụ: gốc 584.631.258 đồng và 6 % tổng số lãi (tính đến 5/4/2019 là 266.915.101 đồng)

4. Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Công ty TNHH U vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV Q .

5. Đình chỉ yêu cầu đòi lãi phạt do nguyên đơn rút yêu cầu.

IV. Án phí: Công ty TNHH U phải chịu: 122.145.215 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Trả lại Công ty TNHH một thành viên Q số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 59.700.000 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số AB/2014/01789 ngày 02/3/2017 tại C Cục Thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Trả lại ông Nguyễn Mạnh H 2.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 3084 ngày 10/6/2019 của C cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 11/11/2019.

Nơi nhận:

- TAND Quận Hoàn Kiếm .
- VKSND TP Hà nội .
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Hạnh